

31. XÃ AN THẠNH THỦY

STT	Tuyến Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 50	Cầu Bình Phan	Cầu Bình Thọ Đông	3.800
		Cầu Bình Thọ Đông	Giáp xã Vĩnh Bình	3.400
2	Đường 30/4 (Quốc lộ 50 cũ)	Quốc lộ 50	Cầu Bình Phan	4.000
3	Đường tỉnh 877 (trên địa bàn huyện Chợ Gạo)	Phạm vi 150 m từ Quốc lộ 50 về 2 hướng (tính từ mốc lộ giới)		2.800
		Từ mét 150	Cầu Tư Trinh	1.400
		Cầu Tư Trinh	Bến phà Bình Phục Nhứt	1.850
		Từ mét 150	Cầu Bình Thủy	1.300
4	Đường tỉnh 877B, (trừ chợ Bình Ninh)	Quốc lộ 50	Nghĩa trang An Thạnh Thủy	2.800
		Nghĩa trang An Thạnh Thủy	Nghĩa trang Bình Ninh	1.750
5	Đường Đông Nam kênh Chợ Gạo (trừ Chợ bìnhphục Nhứt; trừ Khu tái định cư Bình Phan)	Giáp xã Chợ Gạo	Xã Đồng Sơn	1.250
6	Đường huyện 22 (Đường Bình Phan)	Trong phạm vi 100 m so với Đường tỉnh 877 (xã Bình Phục Nhứt) tính từ mốc lộ giới.		1.400
		Đoạn còn lại (Bình Phan)		1.250
7	Đường huyện 21 (xã An Thạnh Thủy - xã Bình Phan - xã Bình Phục Nhứt)	Trong phạm vi 150 m giáp Quốc lộ 50 (xã An Thạnh Thủy) tính từ mốc lộ giới.		3.100
		Trong phạm vi 80 m so với Đường huyện 22 (xã Bình Phan) tính từ mốc lộ giới.		1.400
		Trong phạm vi 100 m so với Đường tỉnh 877 (xã Bình Phục Nhứt) tính từ mốc lộ giới.		1.400
		Trong phạm vi 80 m so với Đường đê sông Tra - giáp ranh huyện Gò Công Tây (xã Bình Phục Nhứt)		1.400
		Đoạn còn lại		1.250

8	Chợ Bình Phục Nhứt (cũ)	Dãy phố chợ	4.600	
9	Chợ An Thạnh Thủy	Các vị trí đất tiếp giáp mặt tiền Đường nội bộ chợ An Thạnh Thủy	4.400	
10	Chợ Bình Phục Nhứt (Trạm y tế cũ)	Khu vực chợ 100m về 2 hướng	1.850	
11	Khu tái định cư xã Bình Phan	Mặt tiền Đường Đông Nam kênh Chợ Gạo	6.650	
12	Khu tái định cư xã Bình Phục Nhứt	Mặt tiền Đường N1, N2, N3	950	
		Mặt tiền Đường D2, D3	1.050	
		Hai mặt tiền Đường	1.150	
13	Đường Liên Khương	Đường Đông Nam kênh Chợ Gạo	Đường tỉnh 877	1.700
		Đường tỉnh 877	Đường Đông Nam kênh Chợ Gạo	1.700

